TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC BÌNH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/**2022/HNGĐ - ST
Ngày: 08/7/2022
V/v:"Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Khoa

2. Bà Phạm Thị Bích Lệ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh Dung - Kiểm sát viên.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:** Ông Bá Văn Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc: *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 202022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn E, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Mai Thế A sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn E, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà với ông Mai Thế A xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau.

Theo phong tục của người chăm thì đàn ông lấy vợ phải ở rể nhưng vì mẹ bà đã mất sớm, gia đình cũng không có đất đai để cho con cái nên bà phải theo ông A về xã P quê ông A sinh sống.

Năm 2007 vợ chồng bà có đến UBND xã P để đăng ký kết hôn.

Sau khi xác lập quan hệ vợ chồng bà ở đậu tại Trường Trung tâm Chính trị huyện B vì ông A làm bảo vệ tại đây.

Cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân ông A cờ bạc, kinh tế gia đình khó khăn nhưng vì các con còn nhỏ nên bà phải cố gắng chịu đựng.

Năm 2020 vợ chồng xây nhà, sau khi xây dựng nhà thì nợ nần nhiều nên bà phải đi làm thêm để trả nợ, ông A ghen tuông vô lý, sỉ nhục nhân phẩm, danh dự của bà, đập phá đồ đạc trong gia đình, bà đã giải thích nhưng ông A không nghe. Ngoài ra ông còn đánh đập bà, sự việc này diễn ra ngày càng nhiều. Bà có nhờ cha mẹ chồng can thiệp để nói với ông A nhưng không thay đổi.

Tháng 09/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông A đánh bà và cầm dao hăm dọa bà, cảm thấy vợ chồng không thể sống chung nên bà vào thành phố làm thuê từ đó ít về nhà.

Tết năm 2022 bà về thăm gia đình và con thì vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn và bị đánh nên bà vào thành phố luôn. Sau đó ông A có năn nỉ bà trở về đoàn tụ nhưng bà không đồng ý.

Bà không còn tình cảm với ông A, trước đây bà đã tha thứ cho ông A nhiều lần vì con cái nhưng việc ông A xúc phạm danh dự và đánh đập thì bà không thể bỏ qua. Tại Tòa hôm nay bà tha thiết xin được giải quyết ly hôn với ông A.

Về con chung: Vợ chồng 02 con chung Mai Đình Quỳnh N – sinh ngày 14/6/2006 và Mai Đình Gia T1 – sinh ngày 30/11/2011 bà yêu cầu được nuôi dưỡng và giáo dục các con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Mai Thế A trình bày:

Về hôn nhân: Ông với bà Nguyễn Thị Thanh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau.

Theo phong tục của người chăm thì đàn ông lấy vợ phải ở rể nhưng vì mẹ bà T đã mất sớm, gia đình cũng không có đất đai để cho con cái nên bà T phải theo ông về xã P sinh sống.

Năm 2007 vợ chồng có đến UBND xã P để đăng ký kết hôn.

Sau khi xác lập quan hệ vợ chồng ở đậu tại Trường Trung tâm Chính trị huyện B vì không có chỗ ở cơ quan thấy thương nên cho ở.

Cuộc sống chung vợ chồng ông hạnh phúc, đôi khi có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, bà T nói ông cờ bạc thì không có vì ông chỉ chơi cho vui chứ không lấy tài sản gia đình đem bán để chơi.

Năm 2020 vợ chồng xây dựng nhà, sau khi có nhà riêng thì vợ ông sinh tật biết tụ tập bạn bè và ăn nhậu. Ông có nhắc nhở nhưng vợ ông không nghe và vợ còn có những mối quan hệ không rõ rãng, ông nói thì vợ nói ông ghen tuông với bạn mình. Phải có lý do thì ông mới ghen tuông và ông có đánh vợ nhưng chỉ là một vài cái chứ không phải là nắm tóc kéo ra đường đánh cho mọi người thấy.

Tháng 09/2021 vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn và ông có đánh vợ và cầm dao dọa bà T nên bà T bỏ đi thành phố làm từ đó. Con cái không quan tâm và cũng không gủi tiền về cho ông nuôi con.

Ông đã gọi điện xin lỗi vợ nhiều lần và yêu cầu vợ trở về đoàn tụ nhưng vợ không đồng ý quay về.

Tết năm 2022 vợ về nhà thì vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn nên vợ bỏ đi vào thành phố luôn.

Sau tết ông cũng vào thành phố làm thuê và gửi 02 con cho mẹ ông nuôi.

Ông xác định vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà T không còn tình cảm với ông nhưng vì các con còn nhỏ nên ông không đồng ý ly hôn, bà T muốn tự do thì cứ đi làm ông không đụng đến. Khi nào các con ông trưởng thành ông mới ký đơn ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng 02 con chung Mai Đình Quỳnh N – sinh ngày 14/6/2006 và Mai Đình Gia T1 – sinh ngày 30/11/2011. Ông đồng ý giao 02 con cho bà T nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân pháp luật đúng theo qui định tại Điều 12 BLTTDS, thành phần HĐXX đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, không có trường hợp phải từ chối hoặc phải thay đổi người tiến hành tố tụng. Về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa cũng như phần thủ tục hỏi, phần trA luận tại phiên tòa, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định tại các Điều 237, Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn: Ông Mai Thế A đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Cho bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Mai Thế A.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Mai Đình Quỳnh N – sinh ngày 14/6/2006 và Mai Đình Gia T1 – sinh ngày 30/11/2011 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông A được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh trụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Mai Thế A có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn E, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T, HĐXX nhận thấy: quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Mai Thế A được xác lập trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 quyển số 02 ngày 08/01/2007 nên là hôn nhân hợp pháp, bà T có đơn xin ly hôn nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay cho thấy đời sống chung của bà T và ông A từ khi xác lập quan hệ vợ chồng thì hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân ông A ghe tuông nên vợ chồng xảy ra cãi vã và ông A đánh đập bà T, ông A đã vi phạm nghĩa vụ của người chồng.

Tháng 09/2021 bà Tuyết bỏ đi thành phố làm và tự chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông A, như vậy bà T đã xác định không còn tình cảm với ông A. Tại phiên tòa ông A cũng có ý kiến nếu bà T cương quyết yêu cầu ly hôn mà Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T thì ông cũng không có ý kiến gì.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông A sự đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông A có 02 con chung là Mai Đình Quỳnh N – sinh ngày 14/6/2006 và Mai Đình Gia T1 – sinh ngày 30/11/2011. Toà án đã tiến hành ghi lời khai của em N và T1, nguyện vọng của các em là được ở với mẹ. Bà T và ông A cũng thống nhất giao các con cho bà T nuôi dưỡng và giáo dục. Nên ghi nhận sự tự nguyện của bà T và ông A giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con Mai Đình Quỳnh N – sinh ngày 14/6/2006 và Mai Đình Gia T – sinh ngày 30/11/2011 đến khi trưởng thành, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Mai Thế A.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của Nguyễn Thị Thanh T và ông Mai Thế A, giao cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Mai Đình Quỳnh N – sinh ngày 14/6/2006 và Mai Đình Gia T1 – sinh ngày 30/11/2011 đến khi trưởng thành. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền

yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, bà T đã nộp tại biên lai thu số 0002176, ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên, bị đơn báo cho họ biết có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND (Tỉnh, Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Phan Hiệp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Thanh Nữ Kiều Oanh